NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Số: 2207../BIDV-TKHĐQT
CBTT Nghị quyết mua lại danh mục Trái phiếu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

- Mã chứng khoán: BID
- Địa chỉ: Tháp BIDV, 194 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: (84-24) 2220 5544 Fax: (84-24) 2220 0399
- E-mail: nhadautu@bidv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố thông tin Nghị quyết số 354/NQ-BIDV ngày 23/4/2024 Phê duyệt Phương án mua lại danh mục Trái phiếu đủ điều kiện ghi nhận vốn cấp 2 đến ngày thực hiện quyền mua lại trước hạn từ Quý II/2024 đến hết Quý I/2025 như đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của ngân hàng vào ngày 24./4/2024 tại đường dẫn https://www.bidv.com.vn/vn/quan-he-nha-dau-tu/

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận: (03b)
- Như trên;
- Lưu TKHĐQT&QHCĐ, VP.

M.S.D.N: 0100150619 - C.T.C.P. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - Q. HOÀN KIẾM - T. HÀ NỘI

Trần Phương

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 354/NQ-BIDV	*Hà Nội, ngày 23 tháng 4 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT

Phê duyệt Phương án mua lại danh mục Trái phiếu đủ điều kiện ghi nhận vốn cấp 2 đến ngày thực hiện quyền mua lại trước hạn từ Quý II/2024 đến hết Quý I/2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;

Căn cứ Luật chứng khoán 2019 số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của TCTD, chi nhánh NHNN; Thông tư 12/2021/TT-NHNN ngày 30/07/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2021/TT-NHNN;

Căn cứ Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với Ngân hàng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Theo đề nghị của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;

Trên cơ sở ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị tại Biên bản tổng hợp ý kiến số 63 /BB-HĐQT ngày 23 / 04 /2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Phê duyệt phương án mua lại danh mục trái phiếu đủ điều kiện ghi nhận vốn cấp 2 (sau đây gọi tắt là "Trái phiếu tăng vốn") đến ngày thực hiện quyền mua lại trước hạn từ Quý II/2024 đến hết Quý I/2025 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục đích mua lại: Nhằm thực hiện quyền mua lại của tổ chức phát hành theo các điều khoản và điều kiện trái phiếu tại các Bản công bố thông tin/Bản cáo

bạch chào bán Trái phiếu tăng vốn BIDV các năm 2019, 2021, 2022 và 2023; đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư, thể hiện uy tín, năng lực tài chính của BIDV, qua đó tạo thuận lợi cho kế hoạch huy động vốn trung dài hạn của BIDV thông qua kênh phát hành trái phiếu trong tương lai.

2. Tổng mệnh giá mua lại: 14.665.500.000.000 VND *(Mười bốn nghìn sáu trăm sáu mươi lăm tỷ, năm trăm triệu đồng chẵn).*

3. Nguồn vốn mua lại: nguồn vốn kinh doanh của BIDV. Việc mua lại được thực hiện trên cơ sở cam kết với người sở hữu trái phiếu, dự kiến khả năng cân đối vốn của BIDV tại thời điểm mua lại và trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4. Thời gian mua lại: Ngày thực hiện quyền mua lại theo quy định tại các Bản công bố thông tin/Bản cáo bạch chào bán Trái phiếu tăng vốn BIDV các năm 2019, 2021, 2022, 2023.

5. Các nội dung khác về việc mua lại danh mục Trái phiếu tăng vốn đến ngày thực hiện quyền mua lại trước hạn từ Quý II/2024 đến hết Quý I/2025: thực hiện theo các điều khoản và điều kiện của danh mục Trái phiếu tăng vốn đến ngày thực hiện quyền mua lại trước hạn từ Quý II/2024 và Quý I/2025 tại các Bản công bố thông tin/Bản cáo bạch chào bán Trái phiếu tăng vốn BIDV các năm 2019, 2021, 2022, 2023.

(Chi tiết danh mục trái phiếu tăng vốn đến ngày thực hiện quyền mua lại trước hạn từ Quý II/2024 đến hết Quý I/2025 tại phụ lục đính kèm).

Điều 2: Giao Ban Điều hành chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai các quy trình, thủ tục để thực hiện mua lại danh mục Trái phiếu tăng vốn đến ngày thực hiện quyền mua lại trước hạn từ Quý II/2024 đến hết Quý I/2025 theo đúng tiến độ và cam kết với nhà đầu tư (bao gồm nhưng không giới hạn các thủ tục liên quan đến việc hủy đăng ký, lưu ký, hủy đăng ký giao dịch (nếu có) và hủy niêm yết (nếu có) đối với các trái phiếu được mua lại trước hạn).

Điều 3: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Trưởng Ban Thư ký HĐQT & QHCĐ, Giám đốc Ban Hỗ trợ ALCO, Ban KDV&TT và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật và của BIDV.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Phan Đức Tú

Nơi nhận (5 bản):
- Như Điều 4;
- Ban Kiểm soát;
- Người phụ trách quản trị BIDV;
- Các Ban: CS&GSHT, KTGSTT, HT ALCO, KDV&TT;
- Ban TKHĐQT&QHCĐ (bộ phận IR);
- Lưu: VP, TKHĐQT&QHCĐ.

PHỤ LỤC DANH MỤC TRÁI PHIẾU ĐẾN NGÀY THỰC HIỆN QUYỀN MUA LẠI TRƯỚC HẠN TỪ QUÝ II/2024 ĐẾN HẾT QUÝ I/2025

STT	Mã trái phiếu (theo Bản CBTT/Bản cáo bạch chào bán trái phiếu)	Mã trái phiếu do VSDC cấp (nếu có)	Kỳ hạn	Tổng mệnh giá (VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại theo Bản CBTT/Bản cáo bạch chào bán trái phiếu (*)
1	BIDLH2329001	BID12314	6 năm	490.000.000.000	23/06/2023	23/06/2029	23/06/2024
2	BIDLH2129009	BID12118	8 năm	112.000.000.000	25/06/2021	25/06/2029	25/06/2024
3	BID2_19.02		10 năm	100.000.000.000	28/06/2019	28/06/2029	28/06/2024
4	BIDL2129013	BID12120	8 năm	1.000.000.000.000	29/06/2021	29/06/2029	29/06/2024
5	BIDLH2129017	BID12130	8 năm	1.187.000.000.000	16/07/2021	16/07/2029	16/07/2024
6	BIDL2129018	BID12132	8 năm	2.000.000.000.000	20/07/2021	20/07/2029	20/07/2024
7	BIDLH2229016	BID12235	7 năm	124.000.000.000	20/07/2022	20/07/2029	20/07/2024
8	BIDL2129021	BID12123	8 năm	60.000.000.000	29/07/2021	29/07/2029	29/07/2024
9	BIDL2129026	BID12133	8 năm	500.000.000.000	12/08/2021	12/08/2029	12/08/2024
10	BIDL2129025	BID12139	8 năm	100.000.000.000	18/08/2021	18/S08/2029	18/08/2024
11	BIDLH2229024	BID12254	7 năm	79.000.000.000	26/08/2022	26/08/2029	26/08/2024
12	BIDL2129011	BID12151	8 năm	3.000.000.000.000	10/09/2021	10/09/2029	10/09/2024
13	BIDL2229029	BID12260	7 năm	500.000.000.000	15/09/2022	15/09/2029	15/09/2024
14	BID2_19.05		10 năm	500.000.000.000	26/09/2019	26/09/2029	26/09/2024
15	BIDL2129030	BID12153	8 năm	100.000.000.000	28/09/2021	28/09/2029	28/09/2024
16	BID2_19.07		10 năm	600.000.000.000	30/09/2019	30/09/2029	30/09/2024
17	BIDB2129001C	BID121027	8 năm	1.200.000.000.000	28/10/2021	28/10/2029	28/10/2024

STT	Mã trái phiếu (theo Bản CBTT/Bản cáo bạch chào bán trái phiếu)	Mã trái phiếu do VSDC cấp (nếu có)	Kỳ hạn	Tổng mệnh giá (VND)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại theo Bản CBTT/Bản cáo bạch chào bán trái phiếu (*)
18	BIDH2129008C	BID121028	8 năm	971.000.000.000	29/10/2021	29/10/2029	29/10/2024
19	BIDLH2229031	BID12210	7 năm	40.000.000.000	25/11/2022	25/11/2029	25/11/2024
20	BID2_19.09		10 năm	222.980.000.000	26/11/2019	26/11/2029	26/11/2024
21	BIDLH2329024	BID12374	6 năm	250.000.000.000	15/12/2023	15/12/2029	15/12/2024
22	BID2_RL19.17		10 năm	200.000.000.000	20/12/2019	20/12/2029	20/12/2024
23	BIDLH2329027	BID12377	6 năm	250.000.000.000	21/12/2023	21/12/2029	21/12/2024
24	BIDL2128005C	BID123002	7 năm	79.520.000.000	16/01/2023	16/01/2030	16/01/2025
25	BIDL2129003C	BID122004	8 năm	1.000.000.000.000	25/01/2022	25/01/2030	25/01/2025
	Tổng			**14.665.500.000.000**			
	Tổng cộng bằng chữ			Mười bốn nghìn sáu trăm sáu mươi lăm tỷ năm trăm triệu			

(*): Ngày thanh toán thực tế là Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại nếu Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại là ngày làm việc, hoặc ngày làm việc liền sau Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại nếu Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại là ngày nghỉ.